TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 03- 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 303/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/2/2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/2024/TB-TA ngày 23/2/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1997; (xin vắng mặt).

ĐKHK: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1996; (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: B, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình

bày: Chị và anh Nguyễn Hữu Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng hơn 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị và anh Q không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp gia đình hai bên nên chị không đề nghị giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

* Lời khai của gia đình anh Q: Xác định trong quá trình chung sống do hai bên không hợp tính nết, vợ chồng không bảo ban được nhau nên xảy ra mâu thuẫn. Gia đình đã động viên anh chị nhiều lần nhưng chị T không nghe. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh Q nắm được có quan điểm vợ chồng không thể quay về ở với nhau được. Do anh Q bận đi làm nên không có mặt tại Toà để trình bày, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật trên cơ sở đơn xin ly hôn của chị Thuỷ. Phía gia đình anh Q cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 BLDS, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 ; Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Đoàn Thị T ly hôn anh Nguyễn Hữu Q. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Q tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T và ý kiến của gia đình anh Q, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không bảo ban, thông cảm, chia sẻ lẫn nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Q, kiên quyết xin ly hôn. Anh Q đã được gia đình giao, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không thể hiện quan điểm của mình với yêu cầu của chị T, tại phiên hòa giải anh Q không có mặt thể hiện anh không có thiện chí vợ chồng về đoàn tụ. Xác minh tại địa phương, cung cấp gia đình anh Q thể hiện anh chị có mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử chị cho chị T và anh Q ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị T xác định anh chị không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đoàn Thị T ly hôn anh Nguyễn Hữu Q.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000972 ngày 30/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị Đoàn Thị T đã thi hành xong nghĩa vụ.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng